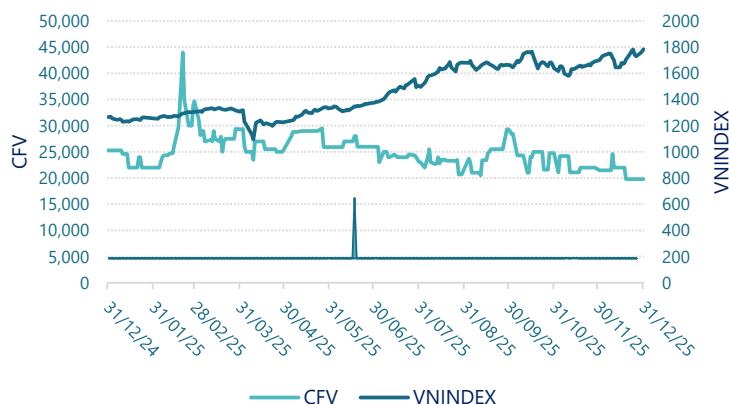


CTCP Cà phê Thăng Lợi (UPCOM: CFV)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	19,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	44,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	19,800
SL cổ phiếu LH	12,650,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	25
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	250
P/E	18.6
EPS	1,063

DT thuần

Q4/25

76.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 53.9 | 242%

YoY: ▲ 54.6 | 253%

LN sau thuế

Q4/25

15.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 17.7 | 653%

YoY: ▼ 0.20 | -1.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

5.8%

+/- YoY: ▼ 14.9%

DT thuần

2025

380

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 86.0 | 29.4%

LN sau thuế

2025

13.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 33.6 | -71.4%

ROE

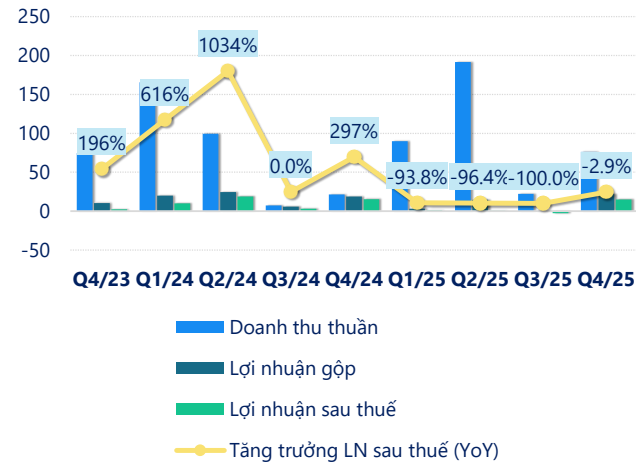
2025

6.9%

+/- YoY: ▼ 22.1%

tỷ VNĐ

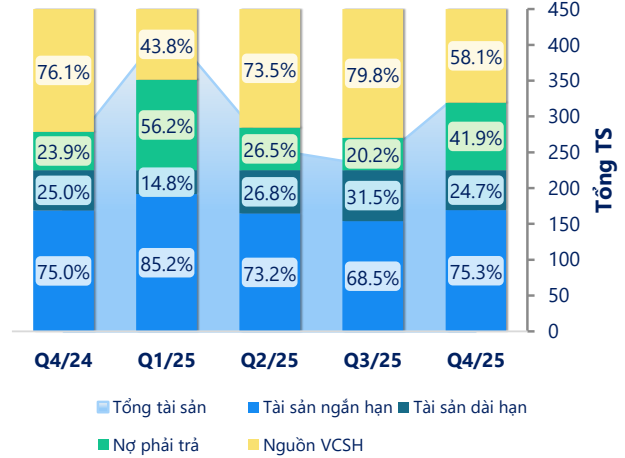
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

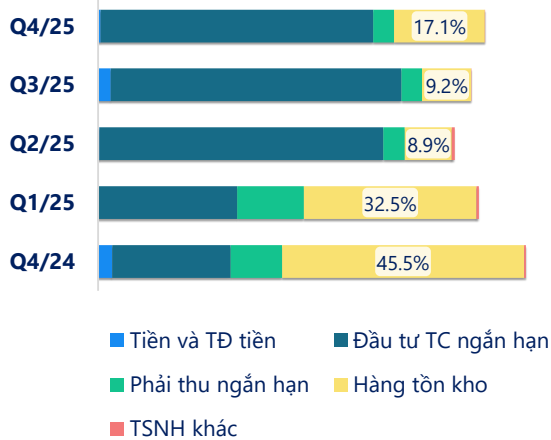
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



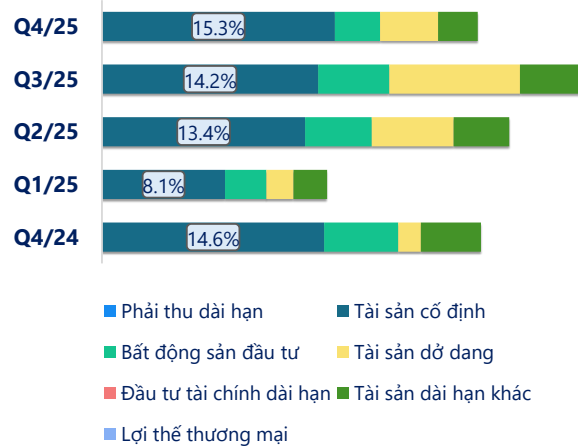
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

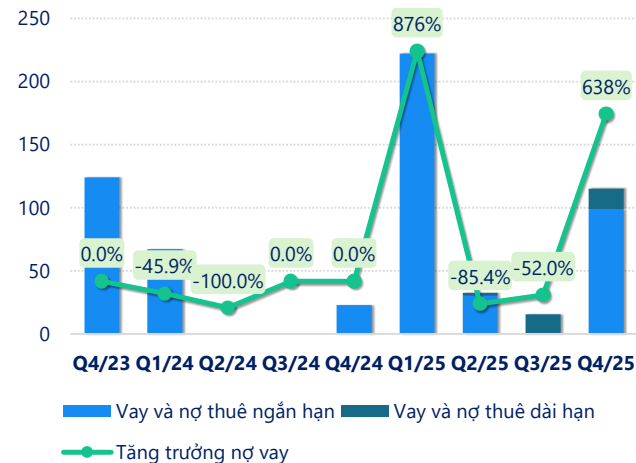
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

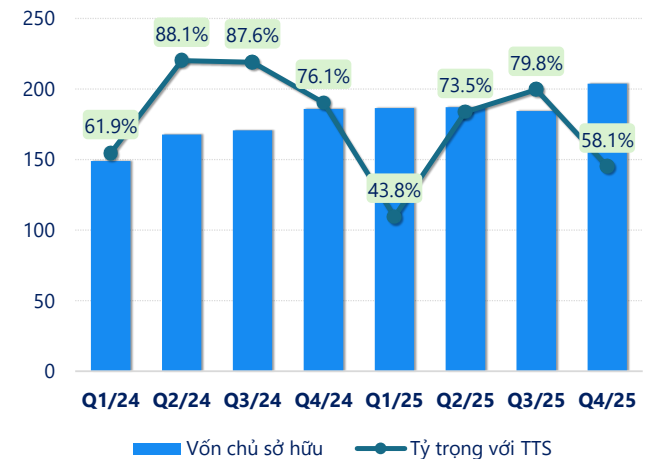
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

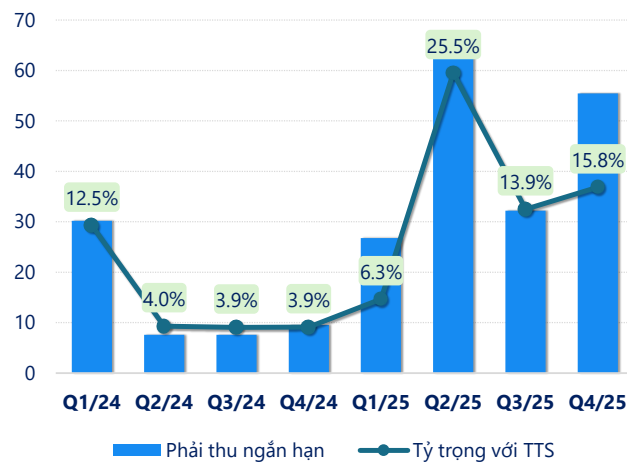
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



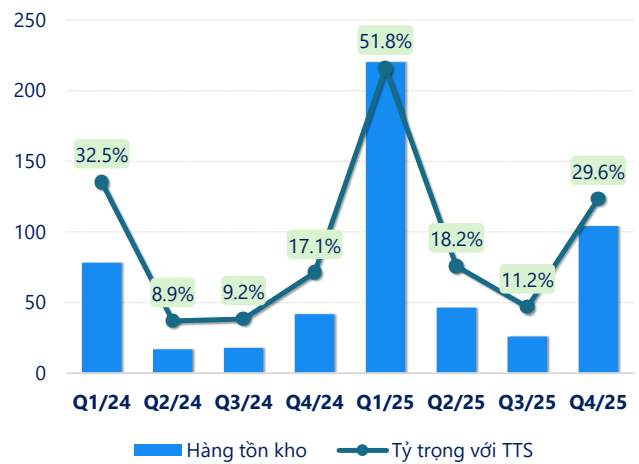
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


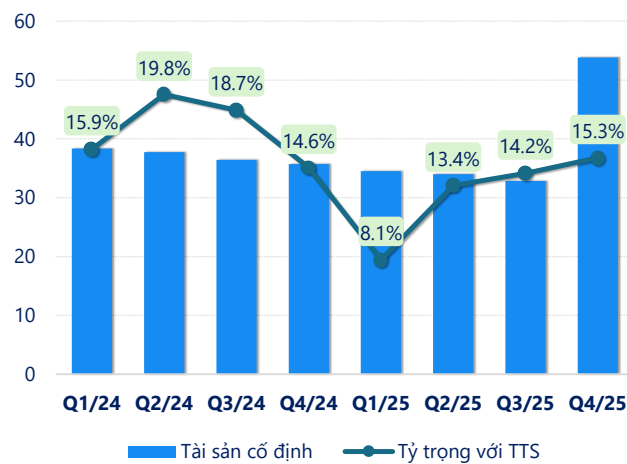
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


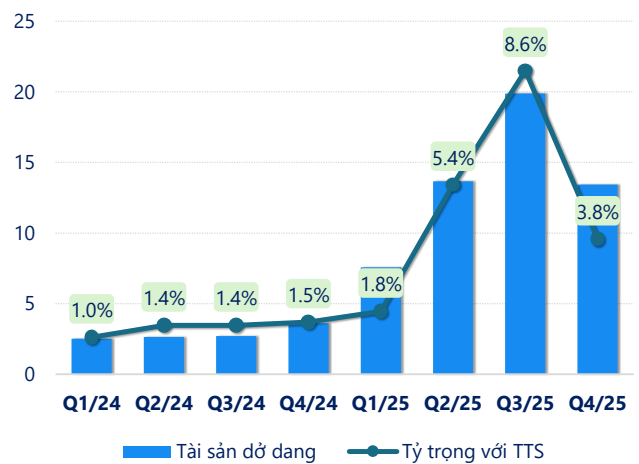
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

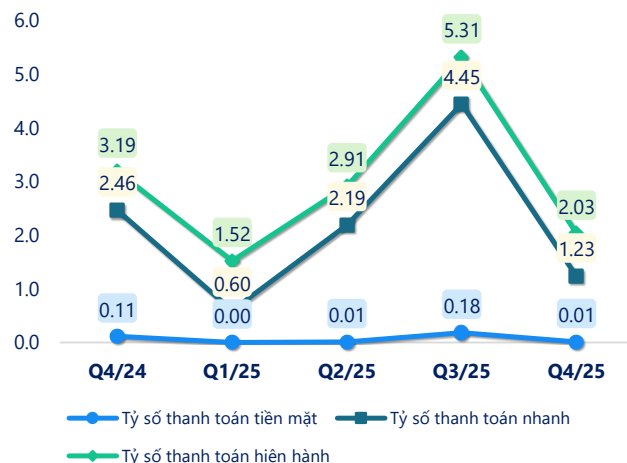
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

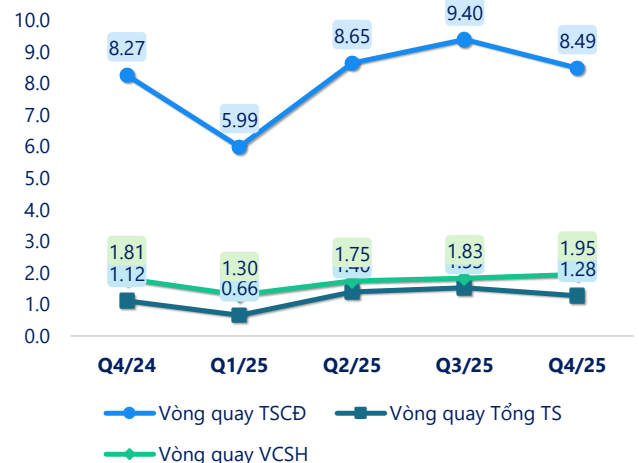
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	244	425	254	231	351
Tài sản ngắn hạn	183	362	186	158	264
Tiền và tương đương tiền	6.54	0.24	0.61	5.46	1.57
Đầu tư tài chính ngắn hạn	125	114	73.4	94.4	96.3
Phải thu ngắn hạn	9.56	26.8	64.9	32.2	55.5
Hàng tồn kho	41.7	220	46.2	25.9	104
Tài sản ngắn hạn khác	0.16	1.23	1.06	0.28	6.89
Tài sản dài hạn	60.9	63.0	68.2	72.8	86.9
Phải thu dài hạn	0	0.02	0.02	0.02	0
Tài sản cố định	35.7	34.5	34.0	32.9	53.8
Bất động sản đầu tư	11.9	11.5	11.2	10.8	10.5
Tài sản dở dang	3.61	7.57	13.7	19.9	13.4
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	9.68	9.43	9.32	9.25	9.15
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	58.3	239	67.3	46.7	147
Nợ ngắn hạn	57.5	238	63.9	29.8	130
Vay và nợ thuê ngắn hạn	22.7	222	30.1	0	98.6
Phải trả người bán ngắn hạn	1.18	0.37	0.65	0.68	6.42
Nợ dài hạn	0.76	0.76	3.44	16.9	17.1
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	2.39	15.6	16.4
Nguồn vốn chủ sở hữu	186	187	187	184	204
Vốn chủ sở hữu	186	187	187	184	204
Vốn điều lệ	127	127	127	127	127
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)